TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 5 - 2025
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nam và ông Nguyễn Văn Giới.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Triều tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2025 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H; nơi cư trú: khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Tiến Đ; nơi cư trú: khu Xuân Viên 2, phường Xuân Sơn, thành phố Đ, tỉnh Q, (hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3, trại giam Q), vắng mặt (anh Đ có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Đ cùng chung sống từ năm 2016, tuy nhiên đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thành phố Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Xuân Viên 2, phường Xuân Sơn, thành phố Đ. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án tại phân trại số 3, trại giam Q. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Vũ Tiến Đ. Cùng với yêu cầu ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016, chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2025, bị đơn anh Vũ Tiến Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Phạm Thị Thu H cùng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu cuộc sống bình thường không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến năm 2021 anh Đ vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án 07 năm tù tại phân trại số 3, trại giam Q. Do phải đi chấp hành án nên anh Đ không thể chăm sóc được gia đình vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh Đ và chị H có 01 con chung là Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016. Do anh Đ đang phải chấp hành án nên anh Đ đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, ông Nguyễn Văn Khoa - trưởng khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thành phố Đ cung cấp thông tin có nội dung: Chị Phạm Thị Thu H có kết hôn với anh Vũ Tiến Đ nhưng sau khi kết hôn chị H và anh Đ về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh Đ tại khu Xuân Viên 2, phường Xuân Sơn, thành phố Đ. Khoảng năm 2021 do anh Đ vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án nên chị H có đưa con là Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016 về ở cùng với bố mẹ đẻ chị H tại khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê. Việc chị H yêu cầu ly hôn và nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, bà Trần Thị Hồng Thu - trưởng khu Xuân Viên 2, phường Xuân Sơn, thành phố Đ cung cấp thông tin có nội dung: Sau khi kết hôn chị H và anh Đ cùng chung sống tại khu Xuân Viên 2, phường Xuân Sơn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án dài không có điều kiện quan tâm chăm sóc vợ con. Sau khi anh Đ đi chấp hành án chị H và con chung là Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016 về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê để sinh sống. Việc chị H có yêu cầu ly hôn và nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Triều phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Tiến Đ, có nơi cư trú tại phường Xuân Sơn, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; do bị đơn đang chấp hành án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thu H và anh Vũ Tiến Đ có kết hôn hợp pháp nên được pháp luật bảo hộ là quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do năm 2021 anh Đ vi phạm pháp luật phải đi chấp hàn án 07 năm tù tại phân trại số 3, trại giam Q. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh Đ cũng thừa nhận do đang phải đi chấp hành án, không thể quan tâm chăm sóc được vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Như vậy thấy rằng, bản thân anh Đ cũng không có nguyện vọng vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh Đ đã trầm trọng, tồn tại cuộc sống vợ chồng cũng không có hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị H và anh Đ có 01 con chung là Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế và anh Đ cũng đồng ý để chị H được nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao con chung Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: chị H và anh Đ đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ**:* Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Phạm Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Vũ Tiến Đ.

2. Về con chung: giao chị Phạm Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Bảo An, sinh ngày 16/7/2016 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Tiến Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003844 ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thanh Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê;
- Các đương sự;
- Lưu.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Xuân Giới **Lương Xuân Sớm** **Tô Thị Thịnh**